

Đề thi khảo sát gồm 04 trang.

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I (6 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Dựa vào phân loại thủy sản theo tính ăn, cá trắm cỏ thuộc nhóm ăn

- A. thực vật. B. tạp. C. vi sinh vật. D. động vật.

Câu 2. Giả sử, gia đình em có 20 lồng cá rô phi, mỗi lồng có 1 800 con, mỗi con nặng 200 g, lượng thức ăn cho cá ăn bằng 5 % khối lượng cơ thể. Vậy tổng lượng thức ăn trong ngày gia đình em cần sử dụng cho cá là

- A. 180 kg. B. 360 kg. C. 720 kg. D. 450 kg.

Câu 3. Đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao là

- A. chỉ sử dụng lao động thủ công ở tất cả các khâu sản xuất.
B. phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết.
C. sản xuất theo quy trình hiện đại, tự động hóa.
D. năng suất, chất lượng thấp.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng hiện nay là

- A. khai thác rừng quá mức và trái phép.
B. chăm sóc, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên.
C. mở rộng diện tích trồng rừng sản xuất theo quy hoạch.
D. phát triển rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn.

Câu 5. Cần làm cỏ và vun xới cho cây rừng sau khi trồng nhằm

- A. thay thế hoàn toàn việc bón phân và tưới nước cho cây rừng.
B. hạn chế cỏ dại cạnh tranh, làm đất tơi xốp để cây sinh trưởng thuận lợi.
C. giữ nguyên lớp cỏ dại để che phủ toàn bộ cây rừng mới trồng.
D. làm giảm độ thoáng khí của đất quanh gốc cây rừng.

Câu 6. Mục đích của việc vệ sinh chuồng trại chăn nuôi là

- A. giúp vật nuôi không cần phải theo dõi sức khỏe định kỳ.
B. hạn chế mầm bệnh, góp phần bảo vệ sức khỏe vật nuôi.
C. làm giảm nhu cầu chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi.
D. thay thế hoàn toàn việc tiêm phòng cho vật nuôi.

Câu 7. Biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi phổ biến hiện nay là

- A. để chất thải tồn đọng trong chuồng. B. xả ra môi trường tự nhiên.
C. xây dựng hầm biogas. D. đổ trực tiếp ra sông, hồ.

Câu 8. Ưu điểm của công nghệ trồng cây không dùng đất là

- A. tiết kiệm nước và dinh dưỡng. B. phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết.
C. tiêu tốn nhiều diện tích đất. D. khó kiểm soát sâu bệnh.

Câu 9. Yếu tố nào dưới đây **không** phải là yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản?

- A. Thủy sinh vật. B. Thủy lý. C. Thủy vực. D. Thủy hoá.

Câu 10. Biện pháp nào dưới đây góp phần bảo vệ môi trường trong chăn nuôi?

- A. Sử dụng nước thải chăn nuôi chưa xử lý để xả ra ao, hồ.
- B. Tập trung chất thải ở khu vực gần chuồng nuôi trong thời gian dài.
- C. Vệ sinh chuồng trại thường xuyên và xử lý chất thải đúng quy định.
- D. Thu gom chất thải nhưng không xử lý trước khi thải ra môi trường.

Câu 11. Các biện pháp giúp bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:

- (1) Tăng cường đánh bắt trong mùa sinh sản.
- (2) Nhân rộng mô hình đồng quản lý nguồn lợi thủy sản.
- (3) Đặt ra các quy định về kích cỡ loài khi đánh bắt.
- (4) Xây dựng các khu bảo tồn biển để bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- (5) Sử dụng các công cụ đánh bắt bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác hại.

Những biện pháp đúng là:

- A. (2), (3), (4), (5). B. (1), (3). C. (1), (2), (3), (4), (5). D. (3), (4), (5).

Câu 12. Bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững nhằm

- A. thay thế toàn bộ rừng tự nhiên bằng các khu vực sản xuất khác.
- B. ưu tiên khai thác tối đa sản lượng gỗ trong một thời gian ngắn.
- C. chỉ tập trung khai thác rừng trồng mà không cần phục hồi rừng sau khai thác.
- D. duy trì nguồn tài nguyên rừng lâu dài và góp phần bảo vệ môi trường.

Câu 13. Công việc nào dưới đây thuộc giai đoạn chăm sóc cây trồng?

- A. Gieo hạt. B. Bảo quản nông sản. C. Tưới nước, làm cỏ. D. Cày đất.

Câu 14. Quá trình chăm sóc rừng trồng, khi phát hiện nhiều cây bị sâu, bệnh gây hại trên diện rộng, người trồng rừng cần phải làm gì?

- A. Chặt bỏ những cây bị hại mà không cần xác định nguyên nhân sâu, bệnh.
- B. Khai thác sớm toàn bộ diện tích rừng để hạn chế sâu, bệnh lây lan.
- C. Áp dụng các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh kết hợp chăm sóc hợp lý.
- D. Tiếp tục chăm sóc như bình thường, không cần theo dõi mức độ gây hại.

Câu 15. Đặc điểm kiểu chuồng nuôi hở là

- A. luôn sử dụng điều hòa nhiệt độ để ổn định tiểu khí hậu.
- B. hoàn toàn cách ly vật nuôi với môi trường bên ngoài.
- C. thông thoáng tự nhiên, tận dụng điều kiện môi trường bên ngoài.
- D. kiểm soát hoàn toàn nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng trong chuồng.

Câu 16. Thay nước sau mỗi vụ nuôi thủy sản có thể nhằm mục đích:

- (1) Tăng độ trong của nước ao nuôi.
- (2) Bổ sung nguồn nước mới, góp phần ổn định các yếu tố môi trường nước.
- (3) Loại bỏ toàn bộ các vi sinh vật có lợi.
- (4) Tăng hàm lượng oxygen hoà tan.
- (5) Điều chỉnh độ pH; giảm chất độc H_2S , NH_3 do thức ăn thừa, chất thải tích tụ.

Các nhận định đúng là:

- A. (1), (3), (4), (5). B. (1), (2), (3), (5). C. (1), (2), (3), (4). D. (1), (2), (4), (5).

Câu 17. Trường hợp nào dưới đây thể hiện khai thác nguồn lợi thủy sản hợp lý?

- A. Khai thác tối đa sản lượng ở mọi khu vực, kể cả vùng cấm khai thác.
- B. Đánh bắt đúng mùa vụ, đúng kích cỡ và đúng quy định.
- C. Sử dụng ngư cụ có mắt lưới nhỏ để bắt được nhiều cá non.
- D. Tăng cường khai thác vào mùa sinh sản của thủy sản.

Câu 18. Các bước chế biến thức ăn công nghiệp cho động vật thủy sản như sau:

- (1) Lựa chọn nguyên liệu phù hợp.
- (2) Phối trộn nguyên liệu và bổ sung chất khoáng, phụ gia theo tỉ lệ thích hợp.
- (3) Sơ chế nguyên liệu bằng cách phơi hoặc sấy khô, băm nhỏ, xay, nghiền,...
- (4) Sấy khô, đóng gói, bảo quản.
- (5) Trộn hỗn hợp thức ăn với chất kết dính, sau đó ép viên.

Thứ tự đúng của các bước là:

- A. (1) → (3) → (4) → (2) → (5). B. (1) → (2) → (3) → (5) → (4).
C. (1) → (3) → (2) → (5) → (4). D. (1) → (2) → (3) → (4) → (5).

Câu 19. Phương thức khai thác nào **không** được sử dụng đối với rừng phòng hộ đầu nguồn?

- A. Khai thác trắng. B. Khai thác chọn.
C. Khai thác lâm sản ngoài gỗ. D. Khai thác tỉa thưa.

Câu 20. Cơ giới hóa trong trồng trọt là việc sử dụng

- A. máy móc vào các khâu sản xuất trồng trọt. B. phân bón hóa học trong canh tác.
C. sức lao động thủ công của con người. D. động vật để sản xuất nông nghiệp.

Câu 21. Phương pháp khai thác thủy sản nào dưới đây có tính chọn lọc cao nhất?

- A. Lưới vây. B. Câu. C. Lưới kéo. D. Lưới rê.

Câu 22. Nguyên liệu thức ăn cho thủy sản có nguồn gốc thực vật là

- A. khoáng chất. B. phụ phẩm xay sát. C. vitamin. D. bột máu.

Câu 23. Khi mật độ nuôi tăng cao, yếu tố bị ảnh hưởng rõ nhất là

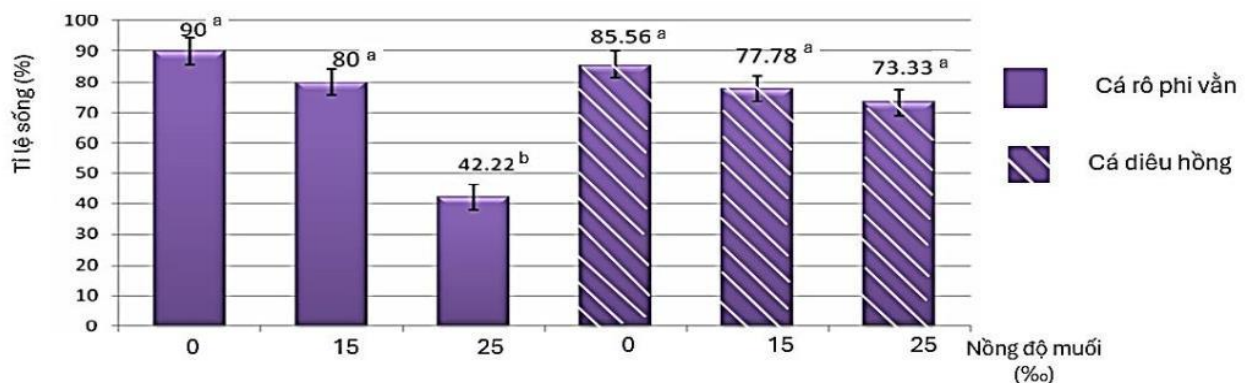
- A. hàm lượng oxygen. B. nhiệt độ môi trường. C. độ sâu nước. D. diện tích ao.

Câu 24. Cây rừng thường bắt đầu ra hoa, kết quả ở giai đoạn nào dưới đây?

- A. Giai đoạn thành thực. B. Giai đoạn già cỗi.
C. Giai đoạn non. D. Giai đoạn gần thành thực.

Phần II (4 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Nghiên cứu ảnh hưởng của độ mặn đến tỉ lệ sống của cá rô phi và cá diêu hồng với ba nghiệm thức ở nồng độ muối khác nhau: 0‰, 15‰ và 25‰. Kết quả được thể hiện ở đồ thị sau:



Lưu ý: Các ký tự a, b biểu thị sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

(Nguồn: Phạm Anh Vũ, Nguyễn Minh Thành

Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2013.)

a) Ở độ mặn 25‰, cá diêu hồng có tỉ lệ sống cao hơn so với cá rô phi.

b) Để đảm bảo tỉ lệ sống trên 70% tại vùng nước lợ có độ mặn 15‰, chỉ nên chọn nuôi cá rô phi vì cá diêu hồng.

c) Nếu độ mặn môi trường nước tăng lên 25%, việc tiếp tục thả nuôi cá rô phi vẫn sẽ gây thiệt hại lớn về kinh tế do tỉ lệ chết lớn hơn 50%.

d) Tỉ lệ sống của cả 2 loài cá có xu hướng giảm dần khi nồng độ muối trong môi trường nuôi tăng lên.

Câu 2. Nghiên cứu ảnh hưởng của các loại kích dục tố lên sinh sản của cá đực bạc, các nhà khoa học đã thu được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Ovaprim (0,5 mg/kg cá)	HCG (500 UI/kg cá)	LHRHa (20µg/kg cá)
Tỷ lệ thụ tinh (%)	62,94	64,64	53,23
Tỷ lệ nở (%)	56,63	70,42	49,10

(Nguồn: Tạp chí Khoa học – Công nghệ thủy sản, số 2/2024)

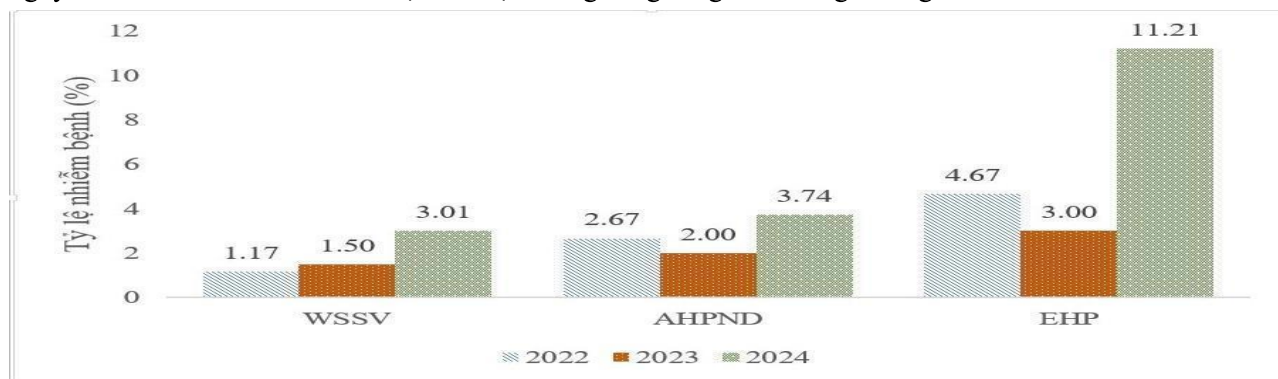
a) Sử dụng LHRHa đạt tỷ lệ thụ tinh và tỷ lệ nở thấp nhất.

b) Sử dụng Ovaprim và LHRHa có tỷ lệ thụ tinh và tỷ lệ nở tương đương nhau.

c) Sử dụng HCG đạt tỷ lệ thụ tinh và tỷ lệ nở cao nhất.

d) Các loại kích dục tố trên không ảnh hưởng đến tỷ lệ thụ tinh và tỷ lệ nở của cá đực bạc.

Câu 3. Tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2023, triển khai kế hoạch công tác năm 2024 của Cục Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cho biết năm 2023 tổng diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại lớn khoảng 25 404 ha. Trong đó, các bệnh do vi bào tử trùng (EHP), bệnh đốm trắng do virus (WSSV) và bệnh hoại tử gan tụy cấp do vi khuẩn (AHPND) được xem là các bệnh nguy hiểm nhất đối với tôm nuôi tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Trong báo cáo đã đưa ra biểu đồ sau:



Nguồn: Cục Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), 2024

a) Để điều trị các bệnh ở tôm, bao gồm bệnh do virus, vi khuẩn và ký sinh trùng người ta thường dùng thuốc kháng sinh.

b) Từ năm 2022 đến năm 2024, tỷ lệ nhiễm các mầm bệnh EHP, WSSV, AHPND trên tôm có xu hướng giảm dần.

c) EHP, WSSV, AHPND là các bệnh phổ biến thường gặp ở tôm .

d) Để phòng ngừa bệnh cho tôm thường áp dụng các biện pháp như duy trì mật độ nuôi phù hợp, thay nước thường xuyên và cung cấp thức ăn chất lượng cao.

Câu 4. Một khu rừng keo trồng lấy gỗ, phần lớn các cây trong rừng đang thời kì sinh trưởng, phát triển mạnh mẽ; lượng hoa, quả tăng dần; tán cây dần hình thành; năng suất và chất lượng lâm sản chưa ổn định.

a) Nên thực hiện ngay việc khai thác rừng để thu được sản lượng gỗ cao nhất.

b) Rừng keo có tác dụng điều hoà không khí.

c) Cây rừng ở giai đoạn này, cần tiếp tục vun xới, làm cỏ để nâng cao sản lượng gỗ.

d) Cây trong khu rừng nói trên đang ở giai đoạn thành thực.

.....**HẾT**.....

Ghi chú: Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.